

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 45/2024/DS-ST

Ngày: 22-5-2024

“Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng.

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2024/TLST-DS, ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1964 (có mặt);

2/ Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn O là: Nguyễn Thị B, sinh năm 1964, đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn là: Anh **Nguyễn Điền K**, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 21/02/2024) (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B cũng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn O trình bày có nội dung:

Bà B và ông O có cho bà T vay tiền nhiều lần tổng cộng là 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả khi nào bà B và ông O cần lấy tiền thì thông báo cho bà T khoảng 15 ngày đến 30 ngày thì bà T kiểm tiền trả gốc, cụ thể:

Ngày 17/5/2018 bà B và ông O cho bà T vay là 200.000.000 đồng, bà T viết biên nhận giao cho bà B và ông O giữ.

Ngày 17/6/2018 bà B và ông O tiếp tục cho bà T vay là 100.000.000 đồng, bà T viết biên nhận giao cho bà B và ông O giữ. Đến ngày 25/6/2018 bà T gửi bà H trả cho bà B và ông O là 50.000.000 đồng của khoản vay này.

Quá trình vay bà T có trả lãi được 01 tháng được số tiền là 12.000.000 đồng của khoản vay 200.000.000 đồng.

Khoảng năm 2019 khi cần lấy lại tiền vốn gốc thì bà B và ông O đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cứ hứa hẹn nhưng vẫn không trả nợ, lần cuối cùng nhất nguyên đơn đến đòi nợ là khoảng tháng 10/2022, bà T tiếp tục hẹn khi nào có tiền sẽ trả nợ nhưng đến nay vẫn không trả được khoản nào cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà T trả nguyên đơn số tiền vốn gốc và tiền lãi của 02 khoản vay cụ thể như sau:

Số tiền vốn gốc vay ngày 17/5/2018 là 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/5/2018 đến hôm nay 21/5/2024, tính tròn là 72 tháng (06 năm) với lãi suất là 10%/năm bằng 120.000.000 đồng, trừ đi số tiền lãi đã nhận là 12.000.000 đồng, còn là 108.000.000 đồng.

Số tiền vốn gốc vay ngày 17/6/2018 là 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/6/2018 đến hôm nay 21/5/2024, tính tròn là 71 tháng (05 năm, 11 tháng) với lãi suất là 10%/ năm bằng 29.565.000 đồng.

Như vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền là 387.565.000 đồng (trong đó vốn gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 137.565.000 đồng).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận nhiều lần vay tiền của bà B và ông O tổng số tiền là 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả khi nào bà B và ông O cần lấy tiền thì thông báo cho bà khoảng 15 ngày đến 30 ngày thì bà kiểm tiền trả gốc, theo như bà B và ông O trình bày là đúng, cụ thể:

Ngày 17/5/2018 bà có vay tiền của nguyên đơn là 200.000.000 đồng, khi vay bà viết biên nhận giao cho nguyên đơn giữ.

Ngày 17/6/2018 bà có vay tiền của nguyên đơn là 100.000.000 đồng, khi vay bà viết biên nhận giao cho nguyên đơn giữ. Đến ngày 25/6/2018 bà gửi bà H trả cho nguyên đơn được là 50.000.000 đồng vốn gốc số tiền của khoản vay 100.000.000 đồng, còn nợ 50.000.000 đồng.

Do hoàn cảnh gặp khó khăn nên bà không đóng lãi như thỏa thuận và không có tiền trả vốn gốc, nguyên đơn cứ vài tháng là đến gặp bà đòi nợ thì bà có hứa nhiều lần khi nào có tiền sẽ trả cho nguyên đơn nhưng cho đến nay bà vẫn không có tiền để trả nợ, lần gần nhất bà B và ông O đòi nợ bà là khoảng tháng 10/2022.

Nay bà đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng và xin nguyên đơn bỏ tiền lãi vì hiện tại lớn tuổi hoàn cảnh khó khăn không có nhà ở, nhà đã bán cho người khác để trừ nợ.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Bà Nguyễn Thị T thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn O tổng cộng số tiền là 300.000.000 đồng, đã trả là 50.000.000 đồng vốn gốc và trả lãi là 12.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền còn nợ là 387.565.000 đồng.

Bị đơn đồng ý trả nợ cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số vốn gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay cho đến hôm nay 21/5/2024 với mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự đều là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn O vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; anh Nguyễn Điền K là người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt đồng thời trong văn bản ủy quyền bị đơn cũng không có ủy quyền cho anh K tham gia phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vay vốn gốc 250.000.000 đồng khi vay tiền thì bị đơn có viết biên nhận ký tên giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại các Điều 117, Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng, nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu của mình bằng biên nhận vay tiền do bị đơn viết và ký tên đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền vốn gốc là 250.000.000 đồng và chỉ trả lãi được là 12.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Khi vay tiền thì trong biên nhận nợ các bên không ghi rõ thời hạn, lãi suất tiền vay nhưng tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất lãi suất tiền vay là 6%/tháng, do đó có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi suất. Thời điểm vay đầu tiên ngày 17/5/2018 bị đơn thừa nhận nguyên đơn đòi nợ liên tục lần gần nhất là tháng 10/2022 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là ngày 28/12/2023 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Việc các đương sự thừa nhận thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 6%/tháng là vượt quá mức quy định của pháp luật, nên phần vượt quá sẽ được tính lại để trừ vào vốn gốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức với lãi suất tối đa mà pháp luật chấp nhận cho các bên thỏa thuận là 20%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm là thấp hơn so với mức quy định, đồng thời nguyên đơn đồng ý căn trừ số tiền lãi đã nhận là 12.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[6] Nguyên đơn thay đổi phần yêu cầu khởi kiện từ số tiền lãi ban đầu là 155.000.000 đồng giảm xuống còn 137.565.000 đồng, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn để buộc bị đơn trả số tiền lãi là 137.565.000 đồng.

[7] Đối với bị đơn đồng ý trả số tiền vốn gốc cho nguyên đơn là 250.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, vì các bên đều thống nhất hợp đồng vay giữa các bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định khi đến hạn thì bên vay phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc và lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chưa trả lãi cho bên cho vay, do bị đơn chưa trả tiền lãi đầy đủ nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đầy đủ cho nguyên đơn.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng bị đơn là người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí, nên chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, Điều 244, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, 463, 466, 468, 469 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn O và bà Nguyễn Thị B số tiền là 387.565.000 đồng (*Ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp của ngày xét sơ thẩm (ngày 23/5/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu là 19.378.000 đồng nhưng bà T là người cao tuổi có yêu cầu miễn án phí. Căn cứ vào các Điều 12, 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn O số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 10.125.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000374, ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân